TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2018/DS-ST
Ngày 22/5/2018

V/v *" Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Minh Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trung.
2. Ông Viêm Văn Doãn.

Thư ký phiên toà: Bà Hạp Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện VKSND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/5/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:08/2017/TLST - DS, ngày 18/10/2017 về việc " Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:09/2018/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức Ch, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 34, đường KB, phường KB, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Mai Ph, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Phố B, khu B, phường VC, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 34, đường KB, phường KB, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh.

Anh Nguyễn Văn Tr, sinh 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Phố B, khu B, phường VC, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn trình bầy tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Đức Ch trình bầy: Ngày 01/12/2016 anh có cho chị Phạm Thị Mai Ph vay số tiền là 220.000.000đ. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và ký tên, trong giấy vay tiền anh và chị Ph thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, về lãi suất không thỏa thuận trong giấy vay tiền. Anh đã giao đủ cho chị Ph

220.000.000đ, giao làm nhiều lần (Ngày 01/12/2016 anh cho chị Ph vay thêm 100.000.000đ và cộng với 120.000.000đ của những lần vay trước đó, tổng cộng là 220.000.000đ). Chị Ph có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN199851; Số vào sổ H02208 do UBND thành phố Bắc Ninh cấp cho anh Nguyễn Văn Tr, chị Phạm Thị Mai Ph và 01 sổ hộ khẩu (Bản gốc). Sau khi vay tiền chị Ph có trả cho anh được 2.000.000đ tiền lãi sau đó không trả nữa (Chuyển vào tài khoản cá nhân của anh). Anh đã đến gặp và yêu cầu chị Ph trả anh số tiền còn nợ nhưng chị Ph khất lần không trả. Hiện chị Ph còn nợ anh số tiền gốc là 220.000.000đ. Nay anh yêu cầu một mình chị Ph phải trả anh số tiền gốc là 220.000.000đ, về lãi suất anh không yêu cầu.

Sau khi chị Ph trả anh số tiền trên anh sẽ có trách nhiệm trả chị Ph 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN199851; Số vào sổ H02208 do UBND thành phố Bắc Ninh cấp cho anh Nguyễn Văn Tr, chị Phạm Thị Mai Ph và 01 sổ hộ khẩu (Bản gốc).

Bị đơn là chị Phạm Thị Mai Ph trình bầy và xác nhận lời trình bầy của anh Nguyễn Đức Ch về nội dung Hợp đồng vay tiền giữa chị và anh Ch ngày 01/12/2016 là đúng. Chị cũng xác nhận khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và ký tên, trong giấy vay tiền chị và anh Ch thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, về lãi suất không thỏa thuận trong giấy vay tiền và anh Ch đã giao đủ cho chị 220.000.000đ, giao làm nhiều lần (Ngày 01/12/2016 anh Ch cho chị vay thêm 100.000.000đ và cộng với 120.000.000đ của những lần vay trước đó, tổng cộng là 220.000.000đ). Chị có đưa cho anh Ch giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN199851; Số vào sổ H02208 do UBND thành phố Bắc Ninh cấp cho anh Nguyễn Văn Tr, chị Phạm Thị Mai Ph và 01 sổ hộ khẩu (Bản gốc). Sau khi vay tiền chị đã trả cho anh Ch được 100.000.000đ, trả làm nhiều lần, có lần trả cho anh Ch, có lần trả cho vợ anh Ch. Hiện chị chỉ còn nợ anh Ch 120.000.000đ, chi xin được trả dần anh Ch số tiền trên vì hiện chị đang gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn là chị Nguyễn Thu H trình bầy. Chị và chị Phạm Thị Mai Ph là chỗ quen biết với nhau và chị Ph có hỏi vay chị 50.000.000đ. Chị đồng ý và cho chị Ph vay số tiền trên. Sau khi vay chị Ph đã trả cho chị được 32.000.000đ, do khi vay mượn và khi chị Ph trả nợ hai bên không viết giấy tờ gì nên chị không có chứng cứ chứng minh việc chị cho chị Ph vay tiền. Còn việc chị Ph và anh Ch vay nợ nhau như thế nào chị không biết. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc vay nợ giữa chị và chị Ph trong vụ án này.

Tại phiên toà: Nguyên đơn là anh Nguyễn Đức Ch chỉ yêu cầu chị Ph phải trả anh số tiền là 186.000.000đ (Được trừ đi số tiền 34.000.000đ chị Ph đã trả cho vợ chồng anh). Về lãi suất anh Ch không yêu cầu.

Bị đơn là chị Phạm Thị Mai Ph chỉ đồng ý trả anh Ch số tiền là 150.000.000đ.

Chị Nguyễn Thu H đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn là anh Nguyễn Đức Ch.

Giữa nguyên đơn, bị đơn thống nhất và không có tranh chấp với nhau về nội dung Hợp đồng vay tài sản ngày 01/12/2016. Đây là những vấn đề không cần phải

chúng minh trong vụ án. Giữa các bên đương sự chỉ có sự tranh chấp về số tiền chị Phạm Thị Mai Ph đã trả cho vợ chồng anh Ch, chị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Tr đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt anh Tr theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc chị Phạm Thị Mai Ph phải trả anh Nguyễn Đức Ch số tiền là 186.000.000đ.

Anh Nguyễn Đức Ch phải trả chị Ph 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN199851; Số vào sổ H02208 do UBND thành phố Bắc Ninh cấp cho anh Nguyễn Văn Tr, chị Phạm Thị Mai Ph và 01 sổ hộ khẩu (Bản gốc).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hợp đồng vay tài sản ngày 01/12/2016 giữa anh Nguyễn Đức Ch và chị Phạm Thị Mai Ph là hợp pháp. Khi ký kết hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực hành di dân sự. Nội dung và hình thức cũng như các thỏa thuận của các bên trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật. Theo nội dung Hợp đồng số tiền anh Ch cho chị Ph vay là 220.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 01/12/2016. Xét thấy đây là Hợp đồng vay tài sản có thời hạn và không có thỏa thuận về lãi. Việc chị Ph không trả nợ cho anh Ch khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

[2] Xét yêu cầu của anh Nguyễn Đức Ch yêu cầu một mình chị Phạm Thị Mai Ph phải trả cho anh số tiền là 186.000.000đ (Được trừ đi số tiền 34.000.000đ chị Ph đã trả cho vợ chồng anh) HĐXX nhận thấy: Yêu cầu này của anh Nguyễn Đức Ch là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 466 BLDS năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên cần được chấp nhận để buộc chị Phạm Thị Mai Ph phải trả cho anh Ch số tiền là 186.000.000đ.

Về lãi suất anh Ch không yêu cầu do vậy không đặt ra xem xét.

Anh Ch phải trả chị Ph 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN199851; Số vào sổ H02208 do UBND thành phố Bắc Ninh cấp cho anh Nguyễn Văn Tr, chị Phạm Thị Mai Ph và 01 sổ hộ khẩu (Bản gốc).

[3] Không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản đối của bị đơn vì xét thấy tại phiên tòa chị Ph không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh

việc chị đã trả cho anh Ch, chị H tổng số tiền là 100.000.000đ. Việc anh Ch, chị H đồng ý trừ đi cho chị Ph số tiền 34.000.000đ là sự tự nguyện của anh Ch và chị H.

[4] Đối với anh Nguyễn Văn Tr là chồng chị Ph vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị Ph và anh Ch đều xác định đây là khoản vay giữa anh Ch và chị Ph không liên quan đến anh Tr và anh Ch cũng chỉ yêu cầu một mình chị Ph phải trả anh số tiền đã vay. Xét thấy đây là khản vay riêng của chị Ph do vậy anh Tr không phải liên đới cùng chị Ph trả nợ cho anh Ch.

[5] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Giảm 50% khoản tiền án phí phải chịu cho chị Ph vì xét thấy chị Ph đang gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế, hiện đang mắc bệnh nặng và phải điều trị dài ngày.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147; 239; 243; 248; 260; 264; 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 464, 465, 466, 468, 470, 688 BLDS năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

1. Buộc chị Phạm Thị Mai Ph phải trả cho anh Nguyễn Đức Ch số tiền là 186.000.000đ (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Anh Nguyễn Đức Ch phải trả chị Phạm Thị Mai Ph 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN199851; Số vào sổ H02208 do UBND thành phố Bắc Ninh cấp cho anh Nguyễn Văn Tr, chị Phạm Thị Mai Ph và 01 sổ hộ khẩu số 173/02 (Bản gốc).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án nếu người phải thi hành án không tự giác thi hành thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Mai Ph phải chịu 9.300.000đ án phí DSST. Giảm 50% khoản tiền án phí phải chịu cho chị cho chị Ph. Chị Ph còn phải chịu 4.650.000đ (Bốn triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí DSST.

Hoàn trả anh Nguyễn Đức Ch 5.500.000đ (Năm triệu, năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số:AA/2017/0000407 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc ngày niêm yết kết quả bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh;*
- *VKS thành phố;*
- *THADS thành phố;*
- *Những người tham gia TT;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Chu Minh Nam